

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2016

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET TRỰC TIẾP
SỐ: 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị Định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và các thông tư hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 đã được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII thông qua ngày 23/11/2009, công bố ngày 04/12/2009;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2016 tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên sử dụng dịch vụ “Bên A”: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ giao dịch	: Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	
Đại diện	: Ông Lê Hải An	Chức vụ: Hiệu trưởng
Điện thoại	: 04.38389633	Số Fax: 04.38389633
Tài khoản	: 3712.1.1055493	Mở tại: Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

Bên cung cấp dịch vụ “Bên B”: CÔNG TY CỔ PHẦN HTC VIỆT NAM THÔNG QUỐC TẾ

Trụ sở chính	: Số 2 Chùa Bộc, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội		
Đại diện	: Ông Nguyễn Tiến Anh Tuấn Chức vụ: Phó tổng Giám Đốc		
Theo giấy ủy quyền số:			
Điện thoại	: 84.4.35735502	Fax: 84.4.35739419	
Tài khoản	: 03101017002049	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Hà Nội	
Mã số thuế VAT	: 0102362584		

Các Bên sau đây thỏa thuận ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet trực tiếp (sau đây được gọi là “Hợp Đồng”) với các điều khoản và điều kiện như sau

Điều 1. Mô tả dịch vụ

1.1. Nội dung.

Bên B cung cấp dịch vụ cho bên A với nội dung chi tiết như sau:

STT	Tên Dịch Vụ	Số Lượng Kênh	Tốc Độ
01	Internet trực tiếp (Internet Leased Line)	01	03Mbps Quốc tế & 90Mbps trong nước

Địa điểm lắp đặt

Điểm A
Phòng máy Trường Đại học Mở - Địa chất

- 1.2. Hình thức kết nối: Qua cổng ISP
- 1.3. Cài đặt dịch vụ: Bên B sẽ cài đặt và cung cấp một (01) đường truyền Internet trực tiếp tốc độ 03Mbps Quốc tế và 90Mbps trong nước từ điểm đặt thiết bị của điểm A đến điểm đặt thiết bị của điểm B
- 1.4. Thời gian lắp đặt: Bên B sẽ lắp đặt đường truyền và cài đặt dịch vụ tại địa điểm sử dụng của Bên A trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ thời điểm ký hợp đồng.
- 1.5. Nghiệm thu: Sau khi Bên B hoàn thành việc cài đặt dịch vụ theo Điều 1.3 Các Bên sẽ ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao dịch vụ đưa đường truyền vào khai thác chính thức.
- 1.6. Dịch chuyển: Bên A không tự ý dịch chuyển đường truyền. Khi cần thay đổi, dịch chuyển đường truyền, Bên A phải có văn bản yêu cầu Bên B trước 30 ngày. Các chi phí thay đổi, dịch chuyển phát sinh sẽ do Bên A chịu.
- 1.7. Sau khi cài đặt và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hai bên sẽ tiến hành ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật. Thời điểm tính cước dịch vụ bắt đầu kể từ thời điểm nghiệm thu dịch vụ.
- 1.8. Bên B cam kết chất lượng dịch vụ và hỗ trợ kỹ thuật:
 - Hỗ trợ 24x7
 - Đảm bảo sử dụng 100% băng thông internet
 - Hotline: (04) 35735502
 - Thời gian khắc phục sự cố tối đa 02 giờ đối với lỗi kỹ thuật, 04 giờ đối với lỗi đứt cáp quang.
 - Tổng thời gian gián đoạn dịch vụ không quá 72 giờ/năm (trừ các trường hợp bất khả kháng theo quy định của Luật Viễn thông và Pháp luật Việt Nam)
 - Triển khai, cấu hình các thiết bị kết nối.

Điều 2. Chi phí lắp đặt và cước sử dụng hàng tháng

2.1 Chi phí lắp đặt ban đầu.

STT	Nội dung	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
01	Cước cài đặt dịch vụ	01 kênh	3.000.000	3.000.000
Thuế VAT 10%				300.000
Tổng cộng:				3.300.000
Bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng				

2.2 Cước sử dụng dịch vụ 12 tháng.

Kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu kỹ thuật và bàn giao dịch vụ, hàng tháng Bên A phải thanh toán cho Bên B các khoản cước sau:

STT	Điểm kết nối	Tốc độ	Cổng kết nối	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/tháng)	Thành tiền (VNĐ)
01		03 Mbps quốc tế 90 Mbps trong nước	GE	01	5,000,000	5,000,000
02	IP Tĩnh			08	Miễn phí	Miễn phí
Tổng cộng 1 tháng (chưa bao gồm thuế VAT)						5,000,000
Thuế VAT 10%						500,000
Tổng cộng 1 tháng (đã bao gồm thuế VAT)						5,500,000
Tổng tiền trả trước 12 tháng (đã bao gồm VAT)						66,000,000
Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn						

Cước dịch vụ sẽ được tính kể từ ngày Bên B hoàn tất việc cài đặt đường truyền và hai bên ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật.

- 2.2.1 Đối với tháng đầu tiên và tháng cuối cùng sử dụng dịch vụ, phí dịch vụ sẽ được tính theo số lượng ngày thực tế sử dụng.
- 2.2.2 Trường hợp giá cước có thay đổi, Bên B sẽ thông báo cho Bên A bằng văn bản. Việc thu cước theo giá mới sẽ được áp dụng từ ngày quy định về giá cước mới có hiệu lực sau khi có sự đồng ý của bên A.

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán

- 3.1. Trước ngày 10 của đầu kì thanh toán Bên B sẽ gửi cho Bên A giấy báo thanh toán cước phí qua Email hoặc chuyển phát nhanh để Bên A có cơ sở thanh toán. Nếu đến ngày đó mà Bên A vẫn chưa nhận được giấy báo thanh toán thì phải báo ngay cho Bên B. Trong trường hợp Bên A không thông báo cho Bên B thì Bên B sẽ xem như Bên A đã nhận được giấy báo thanh toán cước phí.
- 3.2. Bên A phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Bên B cước phí sử dụng dịch vụ Internet trực tiếp, phí thuê bao trả trước 12 tháng/01 lần vào ngày 20 tháng đầu tiên của kì phát sinh cước ngay sau khi Bên B gửi hóa đơn thanh toán có ghi rõ khoản cước phí phải trả và thuế giá trị gia tăng cho Bên A để Bên A làm thủ tục thanh toán theo bảng giá hiện hành được nêu tại mục 2.1 và 2.2.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo số tài khoản dưới đây

Công ty: Công ty Cổ phần HTC Viễn thông Quốc tế.

Địa chỉ: Số 2 Chùa Bộc – Đống Đa – Hà Nội

Số tài khoản (VNĐ): 03101017002049

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Hà Nội

Điều 4. Thanh toán chậm và điều chỉnh hóa đơn

- 4.1. Thanh toán chậm: Bên A có trách nhiệm thanh toán cước phí đầy đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí thanh toán phát sinh để đảm bảo rằng Bên B luôn nhận đủ số tiền cước phí ghi trên hoá đơn. Nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán vào ngày thanh toán, Bên A sẽ phải trả lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân Hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm thanh toán cho mỗi ngày trả chậm tính trên tổng số tiền đến hạn thanh toán.
- 4.2. Điều chỉnh hóa đơn: Mọi sự nhầm lẫn trong giấy báo hoặc hoá đơn (nếu có) sẽ được hai bên cùng xác nhận và điều chỉnh vào hóa đơn cho tháng kế tiếp.

Điều 5. Trách nhiệm của bên A

- 5.1. Bên A phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để Bên B thực hiện lắp đặt đường truyền. Phối hợp tạo điều kiện cho Bên B trong quá trình cung cấp dịch vụ, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng dịch vụ tại đầu Bên A.
- 5.2. Bên A phải sử dụng dịch vụ kênh truyền cung cấp theo đúng mục đích và cấu hình đã đăng ký, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và Hợp Đồng này. Không được sử dụng mạng nội bộ, mạng dùng riêng, thiết bị đầu cuối thuê bao để kinh doanh trái phép các dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào. Bên A phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Bưu chính Viễn thông và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thiết lập mạng và sử dụng kênh thuê riêng.
- 5.3. Bên A phải có văn bản thông báo cho Bên B trước 30 ngày trong trường hợp Bên A thay đổi các thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ như thay đổi cấu hình, tên, địa chỉ, số tài khoản...

Điều 6. Trách nhiệm của bên B

- 6.1. Bên B bảo đảm lắp đặt ban đầu, đo thử, tổ chức nghiệm thu và cung cấp dịch vụ cho Bên A theo đúng điều khoản của Hợp Đồng này.
- 6.2. Bên B phải có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên A những thay đổi về thông số kỹ thuật liên quan đến dịch vụ mà Bên B đang sử dụng.

Điều 7. Khiếu nại

- 7.1. Bên A có quyền khiếu nại về chất lượng dịch vụ Internet trực tiếp và cước sử dụng dịch vụ Internet hàng tháng. Tất cả các khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho Bên B trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sử dụng dịch vụ Internet trực tiếp hoặc ngày xảy ra vi phạm. Riêng khiếu nại liên quan đến cước dịch vụ Internet trực tiếp, thời hiệu khiếu nại là một (01)

tháng kể từ ngày Bên A thanh toán cước phí theo giấy báo cước. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, Bên A vẫn phải thanh toán đủ cước phí cho Bên B.

- 7.2. Bên B có trách nhiệm xem xét, giải quyết các khiếu nại của Bên A theo đúng quy định về tiếp nhận và giải quyết khiếu nại khách hàng.

Điều 8. Sự cố

- 8.1 Bên A phải thông báo cho Bên B mọi sự cố thiết bị hoặc gián đoạn liên lạc trong thời gian sớm nhất. Khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A và các đơn vị liên quan để xác định sự cố và khôi phục liên lạc trong thời gian sớm nhất và sửa chữa, phục hồi hoặc thay thế thiết bị nếu cần thiết. Bên A phải chịu mọi hư hỏng thiết bị và thiệt hại do gián đoạn liên lạc do việc Bên A sử dụng khai thác thiết bị không đúng các quy định đã hướng dẫn và phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc thay thế, sửa chữa thiết bị và phục hồi dịch vụ Internet trực tiếp.
- 8.2 Bên B sẽ thông báo trước ít nhất 03 ngày cho Bên A về thời gian và địa điểm có thể gián đoạn liên lạc theo kế hoạch thay thế, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị của Bên B. Điện thoại liên hệ hỗ trợ khách hàng của Bên B là: (04) 35735502

Điều 9. Giảm trừ cho khách hàng

- 9.1. Các trường hợp gián đoạn liên lạc từ chín mươi (90) phút trở lên do Bên B không đảm bảo yêu cầu về chất lượng kênh truyền, Bên B sẽ giảm trừ cước phí thuê kênh cho Bên A theo tỷ lệ số giờ mất liên lạc trên tổng thời gian của tháng gián đoạn liên lạc, phần chi phí trên sẽ được Bên B khấu trừ vào hóa đơn của lần thanh toán kế tiếp.

Công thức trừ cước được tính như sau:

Cước thuê tháng

Cước giảm trừ = $\frac{\text{Cước thuê tháng}}{\text{Số ngày trong tháng} \times 24 \text{ giờ} \times 60 \text{ phút}}$ x Thời gian gián đoạn (phút)

- 9.2. Trong các trường hợp sau, việc gián đoạn liên lạc sẽ không được tính để giảm trừ cước phí:
- Sự cố gián đoạn xảy ra do Bên A sử dụng, khai thác trái quy định về sử dụng thiết bị và dịch vụ truyền số liệu, hoặc do lỗi thiết bị đặt tại đầu Bên A; hoặc
 - Sự kiện bất khả kháng.

Điều 10. Ngưng cung cấp dịch vụ

- 10.1. Bên A có quyền tạm ngưng sử dụng dịch vụ có thời hạn với điều kiện phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên B biết trước ít nhất 30 ngày trước ngày dự định tạm ngưng. Trong thông báo phải ghi rõ ngày dự định tạm ngưng và ngày tiếp tục sử dụng dịch vụ. Thời gian tạm ngưng ít nhất là 1 tháng nhưng không vượt quá 3 tháng.
- 10.2. Bên B có quyền ngưng cung cấp dịch vụ trong những trường hợp sau:
- (a) Tạm ngưng cung cấp dịch vụ cho đến khi Bên A thanh toán đầy đủ cước phí nợ quá hạn nếu nợ cước phí hàng tháng của Bên A tồn đọng quá 15 ngày kể từ ngày thanh toán.
 - (b) Ngưng hẳn việc cung cấp dịch cho Bên A nếu sau 60 ngày kể từ ngày tạm ngưng cung cấp dịch vụ, Bên A vẫn chưa thanh toán cước phí cho Bên B.
 - (c) Ngưng hoặc hủy việc cung cấp dịch vụ khi Bên A tạm ngưng sử dụng dịch vụ quá 3 tháng hoặc Bên B vi phạm các quy định của Hợp Đồng hoặc các quy định của Chính Phủ Việt Nam.
- Đối với trường hợp (b) và (c) nêu trên, việc đăng ký sử dụng dịch vụ sẽ được tiến hành như với một khách hàng mới.
- 10.3 Cước tạm ngưng. Thời gian tạm ngưng sử dụng hoặc cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 10.2(a) và (b) Bên A phải thanh toán cho Bên B cước phí tạm ngưng bằng 50% cước hàng tháng.

Điều 11. Sự kiện bất khả kháng

Nếu bất kỳ sự kiện nào, như thiên tai, dịch họa, lũ lụt, bão, hoả hoạn, động đất hoặc các hiểm họa thiên tai khác hoặc việc đình công hay can thiệp của Nhà nước hay bất kỳ sự kiện nào khác

xảy ra ngoài tầm kiểm soát của bất kỳ bên nào và không thể lường trước được thì bên bị sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng được tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ, với điều kiện là bên bị ảnh hưởng đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và có thể để ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục hậu quả của sự kiện đó. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra, các Bên được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, các Bên sẽ tiếp tục thực hiện Hợp Đồng nếu việc tiếp tục thực hiện Hợp Đồng là có thể được.

Điều 12. Thời hạn và chấm dứt

- 12.1. Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng này có thời hạn 12 tháng và tự động gia hạn cho 12 tháng tiếp sau. Nếu bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường cho bên B 100% tổng phần cước tháng chưa thực hiện theo hợp đồng.
- 12.2. Chấm dứt Hợp Đồng: Hợp Đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:
- (a) Bên A có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng gửi cho Bên B, và phải được Bên B xác nhận đã nhận, ít nhất 30 ngày trước ngày dự định chấm dứt Hợp Đồng hoặc;
 - (b) Bên A giải thể; hoặc
 - (c) Theo quy định của Điều 10.2(b) và (c).
- 12.3. Thanh Lý: Khi chấm dứt Hợp Đồng, các Bên phải hoàn tất các công việc sau:
- (a) Thu hồi, kiểm tra và bàn giao lại các thiết bị của mỗi bên đã lắp đặt để thiết lập đường truyền;
 - (b) Ngừng cung cấp dịch vụ và ngừng tính cước;
 - (c) Bên A phải thanh toán các khoản cước phí nợ đọng đối với Bên B.

Điều 13. Xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải giữa Các Bên. Trường hợp các Bên không thể giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hòa giải thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Hợp đồng này được lập thành sáu (06) bản có hiệu lực như nhau. Mỗi bên giữ ba (03) bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

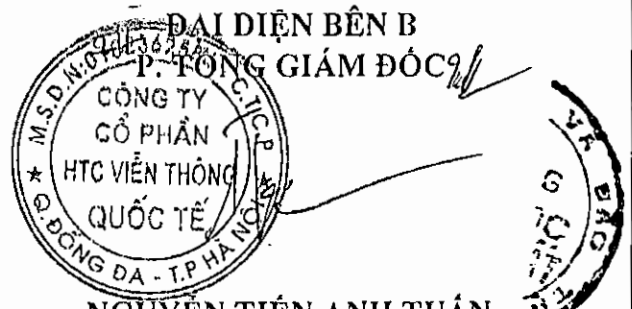


HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hải An

Số:...../MDC ngày.....tháng.....năm 20.....

TL.HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG ĐH MỞ - ĐỊA CHẤT



NGUYỄN TIỀN ANH TUÂN

SAO Y BẢN CHÍNH



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

Ths. Dương Thị Tuyết Nhung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

*(Đính kèm hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kênh
số 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016)*

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kênh số 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016 ký ngày 27 tháng 7 năm 2016 giữa Trường đại học Mở Địa Chất và Công ty Cổ phần HTC Viễn thông Quốc tế;
- Căn cứ tình hình thực tế.

Hôm nay, ngày 27 tháng 07 năm 2017, tại trường đại học Mở Địa Chất, chúng tôi gồm :

BÊN A : TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

(Bên sử dụng dịch vụ)

Địa chỉ : Đức Thắng- Bắc Từ Liêm- Hà Nội
Điện thoại : 024.38389633 Fax: 024.38389633
Mã số thuế :
Tài Khoản : 3712.1.1055493
Mở tại : Kho bạc nhà nước Nam Từ Liêm
Đại diện : Ông Lê Hải An Chức vụ: Hiệu trưởng

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN HTC VIỄN THÔNG QUỐC TẾ (HTC-ITC)

(Bên cung cấp dịch vụ)

Địa chỉ : Số 02 Chùa Bộc - Đống Đa – Hà Nội
Điện thoại : (04)35735502 Fax: (04) 35735502
Mã số thuế : 0102362584
Tài khoản : 03101017002049
Mở tại : Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- Hà Nội (Maritimebank)
Đại diện : Ông Nguyễn Tiến Anh Tuấn Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

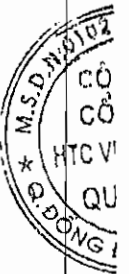
Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01 với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: GIÁ HẠN HỢP ĐỒNG

Hai bên thống nhất gia hạn Hợp đồng từ ngày 01/09/2017 đến hết ngày 31/08/2018 (12 tháng)

ĐIỀU 2: CƯỚC THUÊ KÊNH TRUYỀN SỐ LIỆU HÀNG THÁNG VÀ THANH TOÁN

Đơn vị: đồng



Đơn vị: đồng

STT	Điểm kết nối	Số lượng	Cổng kết nối	Tốc độ (Mbps)	Đơn giá	Thành tiền
01		01	GE	03 Mbps quốc tế 90 Mbps trong nước	5.000.000	5.000.000
Thuế VAT 10%						500.000
Tổng cộng						5.500.000
Tổng tiền trả trước 12 tháng (đã bao gồm VAT)						66.000.000
Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn						

Trong trường hợp chất lượng dịch vụ do Bên B cung cấp không đạt như cam kết, Bên B có trách nhiệm giảm cước cho Bên A, chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng. Phần cước được giảm trừ sẽ được khấu trừ vào tháng kế tiếp.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung trên. Quá trình thực hiện nêu phát sinh những khó khăn, vướng mắc sẽ được hai bên bàn bạc, thảo luận thống nhất để phối hợp khắc phục.

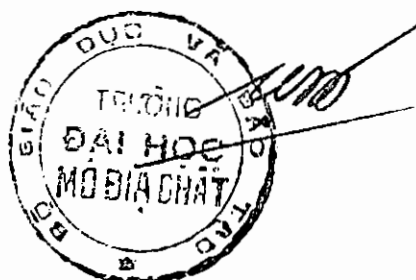
- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kênh số 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016 ký ngày 27/07/2016 và có hiệu kể từ ngày 30/08/2017.

- Các điều khoản khác của Hợp đồng không được nêu trong Phụ lục này tiếp tục có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để làm căn cứ thực hiện.

Hai Bên thể hiện sự đồng ý các điều khoản của Phụ lục Hợp đồng này bằng việc ký tên, đóng dấu như dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A



HIỆU TRƯỞNG

PGTS Lê Hải An



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 02

*(Đính kèm hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kênh
số 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016)*

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kênh số 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016 ký ngày 27 tháng 7 năm 2016 giữa Trường đại học Mỏ - Địa Chất và Công ty Cổ phần HTC Viễn thông Quốc tế;

Hôm nay, ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trường đại học Mỏ - Địa Chất, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên sử dụng dịch vụ): TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 Số Fax : (84.4) 38389633

Đại diện : Ông Lê Hải An Chức vụ : Hiệu trưởng

Số tài khoản : 9523.1.1055493

Tại : Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

BÊN B (Bên cung cấp dịch vụ) : CÔNG TY CỔ PHẦN HTC VIỄN THÔNG QUỐC TẾ (HTC-ITC)

Địa chỉ : Tầng 6 - Lotus Building, số 2, Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại : (04)35735502 Số Fax : (04) 35735502

Mã số thuế : 0102362584

Đại diện : Ông Nguyễn Tiến Anh Tuấn Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số: 06/GUQ-VTQT ngày 24 tháng 04 năm 2016 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP HTC Viễn thông Quốc Tế

Số tài khoản : 03101017002049

Tại : Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Hà Nội (Maritimebank)

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng số 02 với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: GIA HẠN HỢP ĐỒNG

Hai bên thống nhất gia hạn Hợp đồng từ ngày 30/08/2018 đến hết ngày 29/8/2019 (12 tháng).

ĐIỀU 2: CƯỚC THUÊ KÊNH TRUYỀN SỐ LIỆU HÀNG THÁNG VÀ THANH TOÁN

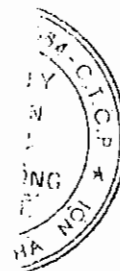
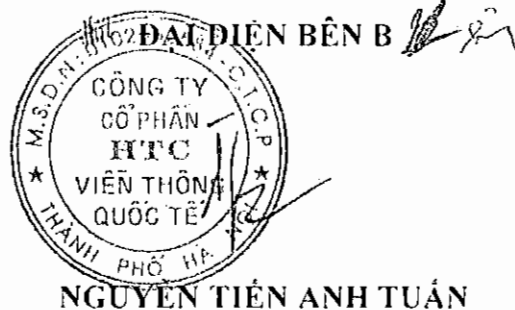
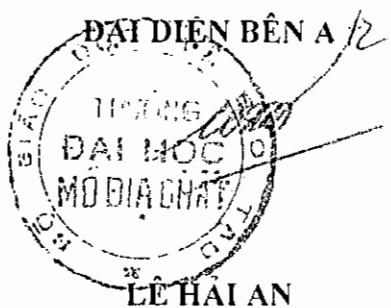
Đơn vị: đồng

STT	Điểm kết nối	Số lượng	Công kết nối	Tốc độ (Mbps)	Đơn giá	Thành tiền
01		01	GE	03 Mbps quốc tế 90 Mbps trong nước	5.000.000	5.000.000
Thuế VAT 10%						500.000
Tổng cộng						5.500.000
Tổng tiền trả trước 12 tháng (đã bao gồm VAT)						66.000.000
Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn./						

Trong trường hợp chất lượng dịch vụ do Bên B cung cấp không đạt như cam kết, Bên B có trách nhiệm giảm cước cho Bên A, chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng. Phần cước được giảm trừ sẽ được khấu trừ vào tháng kế tiếp.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc sẽ được hai bên bàn bạc, thảo luận thống nhất để phối hợp khắc phục.
- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cung cấp dịch vụ thuê kênh số 2707/HTC-ĐHMĐC/ILL-2016 ký ngày 27/07/2016 và có hiệu lực kể từ ngày 30/08/2018.
- Các điều khoản khác của Hợp đồng không được nêu trong Phụ lục này tiếp tục có hiệu lực trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.
- Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (ba) bản để làm căn cứ thực hiện.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: HĐKT0916-1/ĐHMĐC-ATC

Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng học

Dự án: Cải tạo, sửa chữa hội trường 300 và tăng cường thiết bị phòng học
Trường Đại học Mở - Địa chất

Các căn cứ:

Bộ luật dân sự do Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005;

Luật Thương mại do Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-MĐC ngày 20/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng học";

Căn cứ Thông báo số 356/TB-MĐC ngày 21/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất về kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp và lắp đặt thiết bị phòng học" thuộc Dự án "Cải tạo, sửa chữa Hội trường 300 và tăng cường thiết bị phòng học Trường Đại học Mở - Địa chất",

Hôm nay, ngày 23 tháng 9 năm 2016 tại Trường Đại học Mở - Địa chất, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Trường Đại học Mở - Địa chất

Địa chỉ: Phường Đức Thắng - Quận Bắc Từ Liêm - Tp Hà Nội

Điện thoại: 0438383312 - Fax: 0438383312

Tài khoản: 9527.1.1055493 tại Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

Đại diện là ông: PGS. TS Lê Hải An - Chức vụ: Hiệu trưởng

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại ATC

Địa chỉ: 31/1 Kim Mã - phường Kim Mã - quận Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04. 35578021 - Fax: 04. 35578022

Tài khoản: 1241 0000 396914

Tại: Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hoàn Kiếm

Mã số thuế: 0102751206

Đại diện là ông: Trần Tuấn Anh - Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

- Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.
- Địa điểm bàn giao, lắp đặt: Tại trường Đại học Mở - Địa chất.

Điều 2. Hợp đồng và phương thức thanh toán

2.1. Giá trị hợp đồng:

- Bằng số: 3.362.749.500 VNĐ.
- Bằng chữ: Ba tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng.

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế.

2.2. Phương thức thanh toán:

- Bên B có nghĩa vụ nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng bên B phát hành hoặc tiền mặt ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng kinh tế.

- Bên A tạm ứng 30% giá trị của hợp đồng cho bên B ngay sau khi ký hợp đồng và bên B thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo đảm tạm ứng bằng bảo lãnh ngân hàng.

- Bên A thanh toán 70% giá trị hợp đồng cho bên B ngay sau khi hoàn thành biên bản giao nghiệm thu và bảo đảm bảo hành bằng bảo lãnh ngân hàng.

- Hình thức thanh toán: Bên A chuyển khoản vào tài khoản của Bên B:

+ Tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại ATC

+ Số tài khoản: 1241 0000 1396914

Tại: Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hoàn Kiếm

Điều 3. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

- Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu bằng đúng giá trong hợp đồng khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Điều 5. Trách nhiệm của Bên A

5.1. Trách nhiệm thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng nêu tại Điều 3 của hợp đồng này.

5.2. Trách nhiệm phối hợp triển khai:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B triển khai hợp đồng nhanh nhất. Bố trí nhân sự tiếp nhận thiết bị.

Điều 6. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cùng với các nhiệm vụ đã được nêu trong thương thảo hợp đồng. Cụ thể:

6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng:

- Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% giá trị hợp đồng do ngân hàng phát hành hoặc tiền mặt ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng.

- Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng do ngân hàng phát hành nếu được chủ đầu tư chấp thuận tạm ứng.

6.2. Trách nhiệm vận chuyển, triển khai lắp đặt:

- Bên B vận chuyển toàn bộ thiết bị tới Trường Đại học Mở - Địa chất, phối hợp bộ phận tiếp nhận thiết bị của Bên A kiểm tra các thông số kỹ thuật thiết bị theo yêu cầu. Hai Bên xác nhận khối lượng hàng hóa Bên B đã tập kết trước khi lắp đặt.

- Hàng hóa bàn giao phải có đầy đủ giấy chứng nhận CO/CQ (Bản sao có công chứng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm) đối với Máy chiếu và trang âm.

- Bên B có trách nhiệm triển khai lắp đặt, vận hành thử thiết bị đạt chỉ tiêu kỹ thuật như đã chào thầu.

- Bên B có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn cách bảo quản thiết bị cho các cán bộ sử dụng từng loại thiết bị theo đúng quy trình.

6.3. Trách nhiệm bảo hành thiết bị:

- Bên B có trách nhiệm bảo hành thiết bị miễn phí, tại chỗ theo từng thời hạn đã ghi cho từng hạng mục tại Phụ lục của Hợp đồng.

- Thời gian đáp ứng bảo hành: trong vòng 24 tiếng, Bên B cất cử kỹ thuật có mặt tại địa điểm Bên A để kiểm tra và thực hiện công việc hiệu chỉnh, sửa chữa. Trong trường hợp các thiết bị cần thiết phải có sự kiểm tra và điều chỉnh của Hãng sản xuất, hai Bên tiến hành giao nhận thiết bị để Bên B nhận hàng bảo hành gửi Hãng sản xuất.

- Các thiết bị chỉ được bảo hành do các lỗi từ phía nhà Sản xuất. Không bảo hành thiết bị ở những điều kiện:

+ Hỏng do các điều kiện bất khả kháng gây ra như: thiên tai, bão lũ...

+ Các thiết bị không có tem bảo hành của Bên B hoặc tem bảo hành không còn nguyên vẹn.

+ Các thiết bị sử dụng sai quy trình, bị rơi vỡ, biến dạng hoặc do điện áp sử dụng.

- Bên B nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị thực hiện hợp đồng bằng bảo lãnh ngân hàng ngay sau khi hai bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu thiết bị. Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực 24 tháng đối với máy chiếu và 12 tháng với các thiết bị khác kể từ ngày phát hành.

Điều 7. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Điều 8. Điều khoản chung

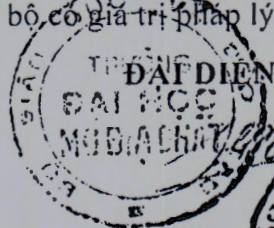
- Hai Bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Bên nào vi phạm hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hai Bên sẽ cùng trao đổi, bàn cách giải quyết trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau để đảm bảo chất lượng thiết bị, không Bên nào tự ý đơn phương thay đổi hợp đồng.

- Các điều khoản sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cả hai Bên. Biên bản sửa đổi, bổ sung được coi như phụ lục và là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, hai Bên cố gắng cùng nhau bàn bạc để giải quyết các bất đồng trên tinh thần hợp tác. Nếu vẫn không thống nhất được cách giải quyết thì sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết.

- Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng hai Bên phải thực hiện.

- Hợp đồng được lập thành 6 bộ, Chủ đầu tư (Bên A) giữ 04 bộ, Nhà thầu (Bên B) giữ 02 bộ, có giá trị pháp lý như nhau.



SAO Y BẢN CHÍNH

Số.....MDC ngày.....tháng.....năm 20.....

CHIEU TRƯỞNG TRƯỞNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Anh

Ths. Dương Thị Tuyết Nhung



Giám đốc Tuấn Anh

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA KÈM THEO

(Thuộc Hợp đồng số: HĐKT0916-1/ĐHMĐC-ATC, ngày 23 tháng 09 năm 2016)

Đ.v.t: Đồng VN

TT	TÊN THIẾT BỊ	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Hãng Sản xuất	Ký mã hiệu sản phẩm	Xuất xứ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
I	THIẾT BỊ MÁY CHIẾU ĐA NĂNG							
I	Máy chiếu đa năng - Máy chiếu công nghệ DLP 0.55" XGA DMD chip - Cường độ sáng: 3600 Ansi Lumens - Độ phân giải thực đạt: 1024 x 768 (XGA) - Độ phân giải tương thích đạt: UXGA (1600 x 1200) 60Hz - Độ tương phản: 30.000:1 - Số mẫu hiển thị: 1.07 tỷ màu - Chính, méo hình thang: $\pm 40^\circ$ chiều dọc - Tỷ lệ khung hình: 4:3 native & 16:9 compatible - Tương thích với máy tính: UXGA, SXGA+, SXGA, SVGA, VGA Compression, VESA standards, PC & Macintosh compatible - Tương thích với chuẩn Video: HDTV (720p, 1080i/p), SDTV (480i/p, 576i/p), Full NTSC, PAL, PAL-M, PAL-N, SECAM. - Các cổng kết nối vào/ra: HDMI x1; VGA in x1; VGA out x1; Composite Video x1; Audio in x1; Audio out x1, USB type A x1 (for service/ mouse/ power 5V) ; RS232 (9-pin) x1. - Loa tích hợp trong máy: 5W x1 - Tuổi thọ bóng đèn: 10.000 giờ (Education cycle mode)	Bộ	90	Optoma	PJ668X	Trung Quốc	19.050.000	1.714.500.000

12/9/2019

- Cân nặng: 2.25 kg - Độ ồn: 27 dB - Sử dụng nguồn điện xoay chiều với điện áp cho phép biến thiên trong dải từ AC 100 -240V ±10%, tần số 50/60Hz									
Các tính năng đặc biệt: - Sử dụng công nghệ BrilliantColor™ hỗ trợ việc sử dụng nhiều màu hơn trên bánh xe màu, hơn so với tiêu chuẩn RED, GREEN, BLUE và White. Công nghệ mới BrilliantColor™ -II cho phép các mức độ sáng cao hơn, tăng cường các màu trung gian, làm cho hình ảnh sống động hơn, chính xác màu sắc khi chiếu lên màn hình. - Sử dụng bánh xe 6 màu với khả năng tự điều chỉnh tốc độ quay từ 2X (7200 rpm) lên 3X (10800 rpm) khi máy hoạt động ở tần số thấp. - Trình chiếu full 3D ở tần số 144Hz. - Đặt giờ tự động tắt máy khi máy không sử dụng. - Ngón ngữ Tiếng Việt thuận tiện cho việc giao tiếp và vận hành máy. - Bảo hành: Thân máy chiếu 24 tháng. Bóng đèn bảo hành 12 tháng hoặc 1000 giờ tùy điều kiện đến trước.									
2	Giá treo máy chiếu + Lồng bảo vệ máy chiếu - Giá treo trần, sắt sơn tĩnh điện. Có lồng bảo vệ phù hợp với máy chiếu đã cung cấp. - Bảo hành: 12 tháng.	Bộ	90				Việt Nam	1.260.000	113.400.000
3	Dây cáp tín hiệu máy chiếu + Dây cáp nguồn cho máy chiếu (25m thành phẩm/1 máy) - Bảo hành: 12 tháng.	Mét	2.160				Việt Nam	78.500	169.560.000
4	Ốc vít, băng keo, ghen ống, dây điện... đủ để thi công các máy chiếu (mét thành phẩm thi công ống ghen). - Bảo hành: 12 tháng.	Mét	1.350				Việt Nam	11.500	15.525.000
II	THIẾT BỊ TRANG ẨM								

1	Amplifier Mixer 120W - Nguồn điện: 220-240V AC hoặc 24V DC - Công suất ra: 120W - Đáp tuyến tần số: 50Hz - 20kHz ($\pm 3\text{dB}$). - Ngõ vào: - o MIC 1-3: -60dB, 600 Ω, cân bằng, giắc Phone. - o AUX 1, 2: -20 dB, không cân bằng, giắc RCA. - Ngõ ra: - o 124W (EN60065) - o 260W (ở mức công suất ra - nguồn AC) - o 8A (ở mức công suất ra - nguồn DC). - Nguồn Phantom: DC +12V (MIC 1) - Tỷ lệ S/N: Trên 60dB - Điều chỉnh âm sắc: - o Bass: $\pm 10\text{dB}$ tại 100Hz - o Treble: $\pm 10\text{dB}$ tại 10kHz - Ngắt tiếng: MIC 1: Ngắt tiếng ngõ vào khác, có thể điều chỉnh được từ 0-30 dB. - Kích thước: 420 (R) x 100.9 (C) x 360.3 (S)mm - Bảo hành: 12 tháng.	Bộ	40	TOA	A-2120	Indonesia	5.980.000	239.200.000
2	Loa hộp 30W - Công suất (100V Line): 30W. - Trở kháng: - o 8Ω/ 100V Line: 300Ω, 500Ω, 200kΩ, 670Ω, 1kΩ, 2kΩ. - o 70V Line: 170Ω, 250Ω, 330Ω, 500Ω, 1kΩ, - Cường độ âm thanh (1W/1m): 90 dB - Đáp tuyến tần số: 80Hz - 20kHz - Thành phần loa: Bao gồm loa hình nón đường kính 12cm và loa dạng cầu. - Thành phần: - o Vỏ: Nhựa ABS màu đen. - o Lưới: lưới mạ sơn tĩnh điện màu đen. - Kích thước: 196 (R), 290 (C), 150 (S)mm - Khối lượng: 2.5Kg.	Cái	160	TOA	BS-1030B	Indonesia	1.480.000	236.800.000

	- Bảo hành: 12 tháng.								
3	Micro không dây cài ve áo (gồm: Bộ thu + Bộ nhận + Mic cài ve áo) * Thông số kỹ thuật bộ thu WT-5805: - Nguồn điện: Nguồn AC (Cung cấp bởi bộ chuyển đổi AC-DC). - Số kênh thu: 64 kênh. - Đáp tuyến tần số: 100Hz - 15.000Hz, ± 3dB. - Tần số thu: UHF, có chức năng dò kênh và quét tần số, hiển thị LCD 2 hàng. - Ngõ vào trộn: -20dB, 600Ω (không cân bằng/cân bằng). - Ngõ vào âm ten: 75Ω, BNC (nguồn Phantom cho âm ten), 9V DC, 30mA (tối đa). - Ngõ ra âm ten: 75Ω, BNC (Gain 0dB). - Hiển thị: Âm thanh (6 mức), RF (6 mức), ANT A/B, Audio (ngưỡng đỉnh), báo PIN. - Độ méo: 1% hoặc thấp hơn. - Khối lượng: 700g * Thông số kỹ thuật bộ thu phát WM-5325: - Công suất sóng mang: Dưới 50m W. - Số kênh lựa chọn: 64 kênh. - Công kết nối Audio: Giắc tai nghe 3.5mm. - Thời lượng PIN: khoảng 10-13 giờ (tùy loại PIN sử dụng). - Hiển thị: Thời lượng PIN. - Khối lượng: 90g (bao gồm PIN) * Thông số kỹ thuật Mic cài ve áo YP-M5310: - Kiểu Micro: Micro cài ve áo. - Cấu tạo: Micro tụ điện đơn hướng. - Kết nối: Đầu nối sử dụng giắc cắm 3.5mm. - Bảo hành bộ sản phẩm: 12 tháng.	Bộ	40	TOA	WT-5805 + WM-5325 + YP-M5310	Taiwan	7.690.000	307.600.000	
4	Dây Audio cho các loa hộp (~50m/ phòng) - Bảo hành: 12 tháng.	Mét	2000			Việt Nam	14.500	29.000.000	
5	Ống ghen, dây điện, băng keo, ốc vít... đủ để thi	Mét	640			Việt Nam	11.500	7.360.000	

	công hệ thống âm thanh phòng học (~16m/ phòng). - Bảo hành: 12 tháng.								
III	BAN GIAO VIÊN TÍCH HỢP THIẾT BỊ								
I	Bàn giáo viên - Thiết kế tích hợp, bảo quản các thiết bị âm thanh phòng học như amply, bộ thu, Micro... - Học tủ có cửa mở, có các đợt chia ngăn để chứa thiết bị đảm bảo an toàn, dễ dàng tháo rời dây. - Kích thước: 120 (R) x 75 (C) x 700 (S) cm. - Bảo hành: 12 tháng.	Cái	90	Hòa Phát	Thiết kế	Việt Nam	2.490.000	224.100.000	
	Cộng							3.057.045.000	
	Thuế VAT							305.704.500	
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế VAT)							3.362.749.500	

- Bảng số: 3.362.749.500 VNĐ

- Bảng chữ: Ba tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng.